

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	FPT	105.324.969	105.831.857
2	HDB	371.569.846	373.569.846
3	VHM	97.974.083	99.012.545
4	VRE	76.360.391	78.949.007

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 01/07/2026 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.869.329.579	486.932.957	397.527.493
2	FPT	1.714.326.422	1.379.004.173	137.900.417	105.831.857
3	HDB	5.005.276.323	3.948.662.491	394.866.249	373.569.846
4	HPG	8.442.964.520	4.546.536.394	454.653.639	327.095.434
5	LPB	2.987.282.100	2.785.043.101	278.504.310	271.554.387
6	MBB	8.054.999.909	3.627.971.959	362.797.195	259.363.863
7	MSN	1.460.374.611	824.527.505	82.452.750	60.621.084
8	MWG	1.468.423.529	1.086.192.884	108.619.288	76.512.258
9	SHB	5.343.703.838	3.986.403.063	398.640.306	377.585.773
10	SSB	3.428.800.000	1.662.968.000	166.296.800	160.086.900

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
11	SSI	2.501.097.752	1.657.977.699	165.797.769	165.797.769
12	STB	1.885.215.716	1.729.496.897	172.949.689	129.333.026
13	TCB	7.086.240.414	3.809.562.846	380.956.284	313.320.832
14	TPB	2.774.046.873	1.451.936.133	145.193.613	127.261.975
15	VHM	4.107.412.004	1.070.802.309	107.080.230	99.012.545
16	VIB	3.404.005.710	2.144.523.597	214.452.359	192.917.185
17	VIC	7.706.031.024	2.428.940.978	242.894.097	238.760.764
18	VJC	769.092.961	339.246.905	33.924.690	32.909.655
19	VNM	2.089.955.445	811.738.694	81.173.869	59.638.998
20	VPB	7.933.923.601	4.211.326.647	421.132.664	366.940.605
21	VRE	2.272.318.410	900.974.249	90.097.424	78.949.007